CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2024

CTCP Tập Đoàn Sao Mai

Ngày 30/09/2024	9,330 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-0.5%	**-9.6%**	**-**

DT thuần
Q3/24
3,219
tỷ VNĐ
QoQ: ▼160| -4.7%
YoY: ▲ 344| 12.0%

LN thuần
Q3/24
95.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▼28.4| -22.9%
YoY: ▲ 11.0| 13.0%

LN sau thuế
Q3/24
71.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▼34.8| -32.8%
YoY: ▲ 4.80| 7.3%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/24
7.8%
YoY: +/-▼ 1.0%

ROE (TTM)
Q3/24
2.7%
YoY: +/-▲ 0.0%

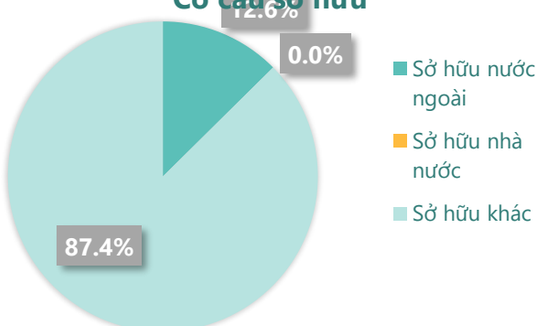
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	7,273 - 12,136
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	3,454
Số lượng CPLH (CP)	370,178,250
KLGD BQ 20 phiên (CP)	818,440
Sở hữu nước ngoài	12.6%
Beta	1.45
EPS	572
P/E	16.3

DT thuần
9T 2024
9,147
tỷ VNĐ
YoY: ▼33.0| -0.4%

LN thuần
9T 2024
302
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 7.00| 2.6%

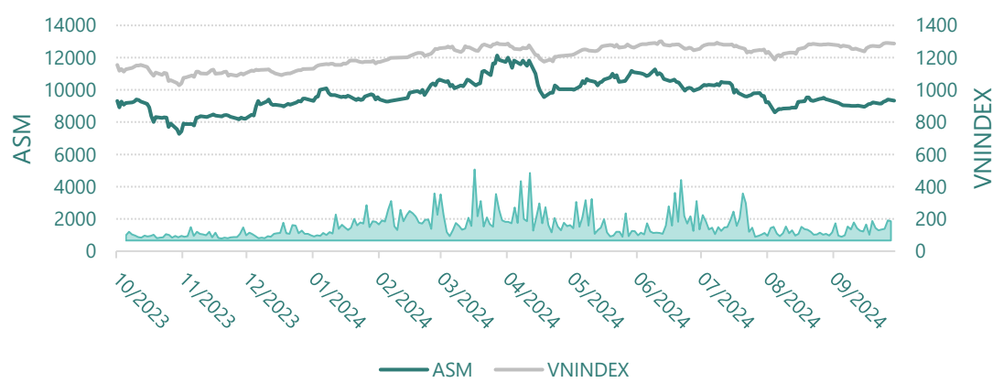
LN sau thuế
9T 2024
253
tỷ VNĐ
YoY: ▼5.00| -1.9%

Cơ cấu sở hữu

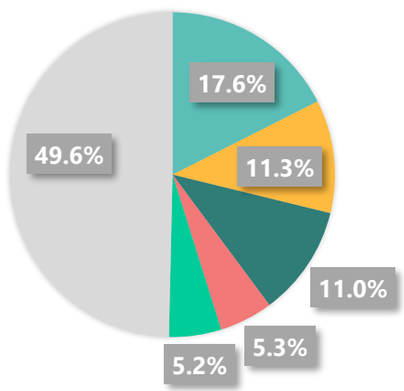


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



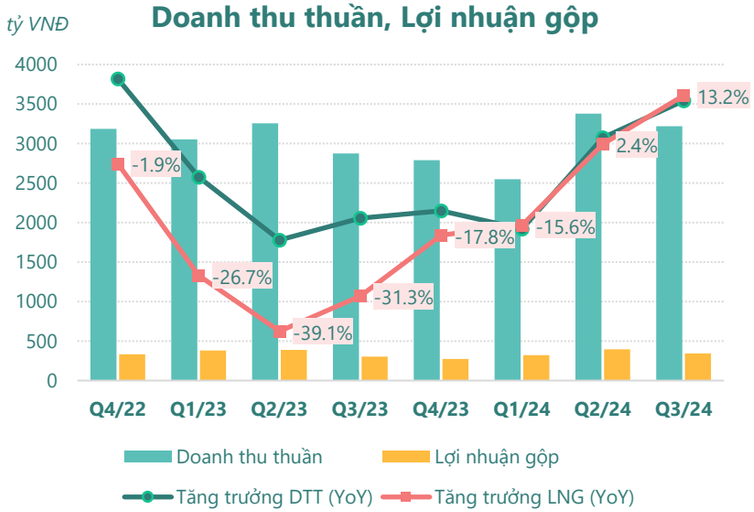
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

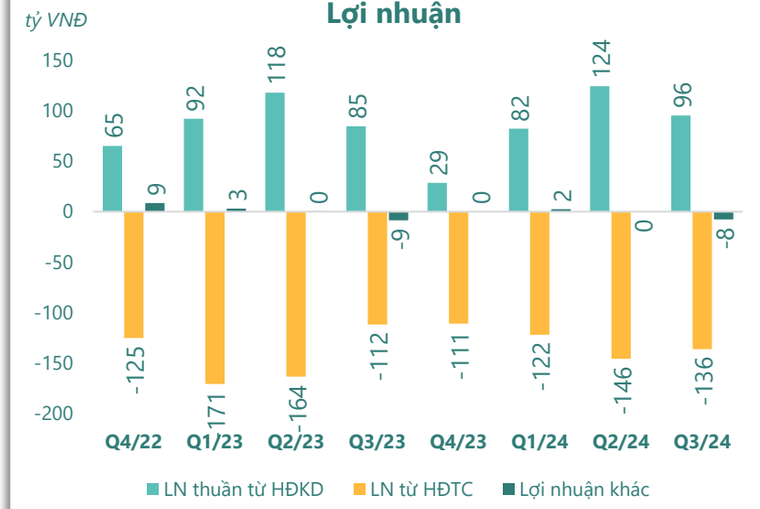
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



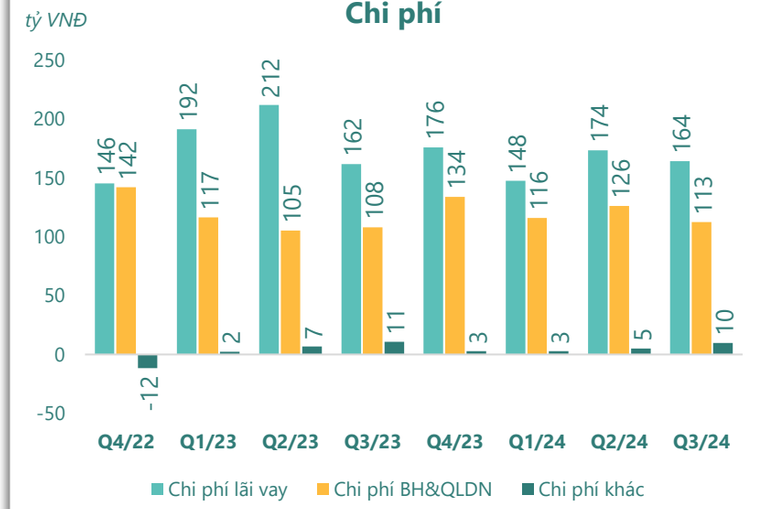
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



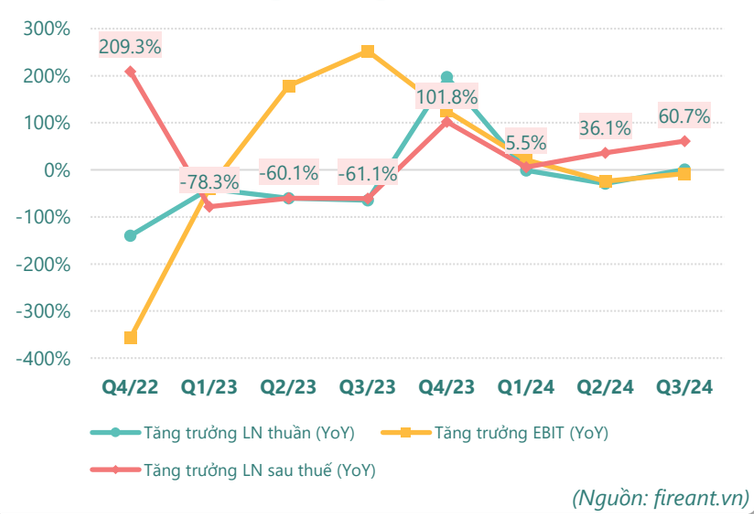
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



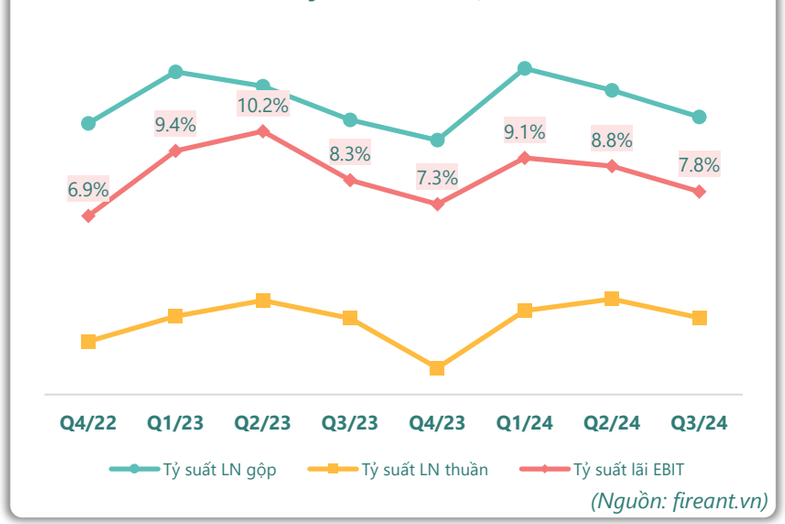
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



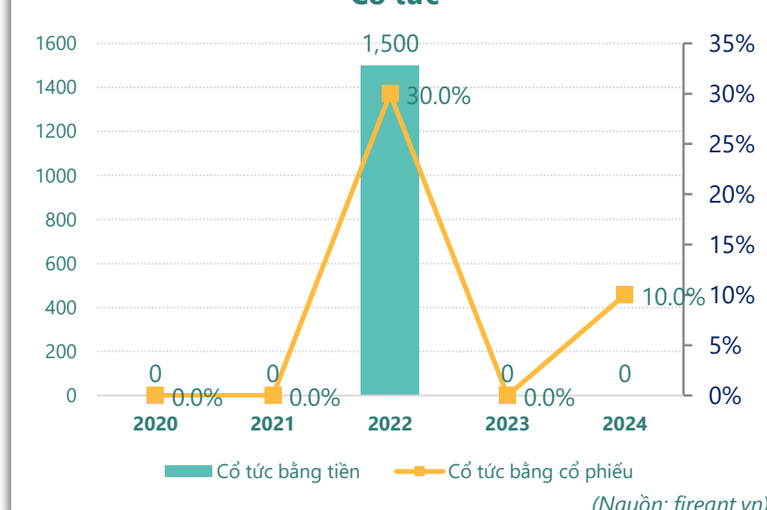
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

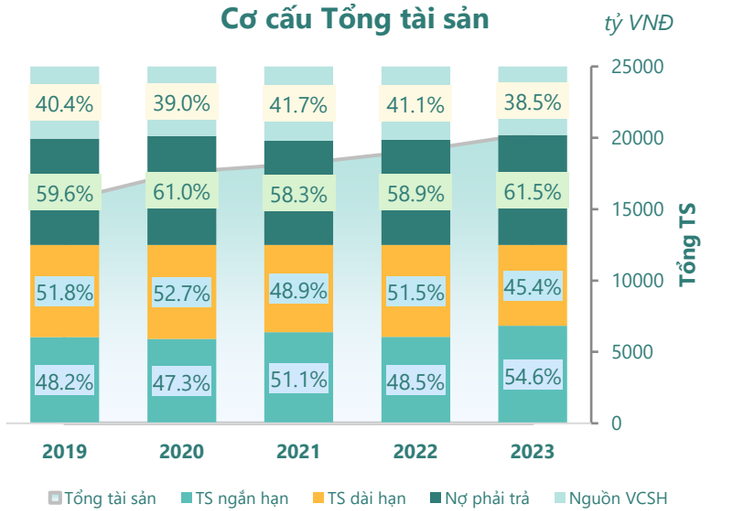
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

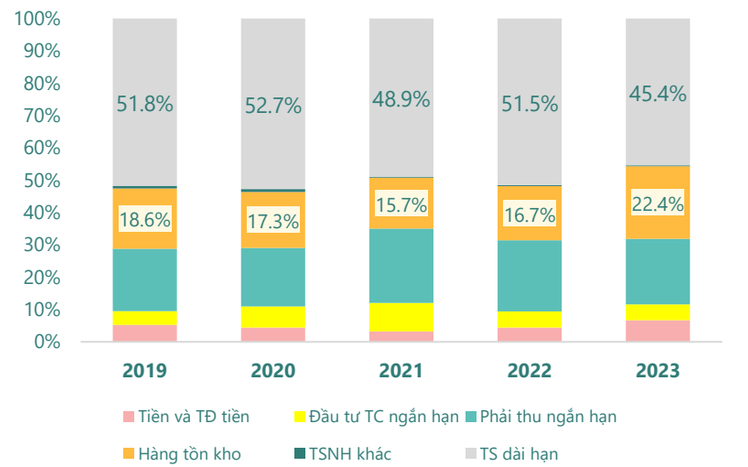
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



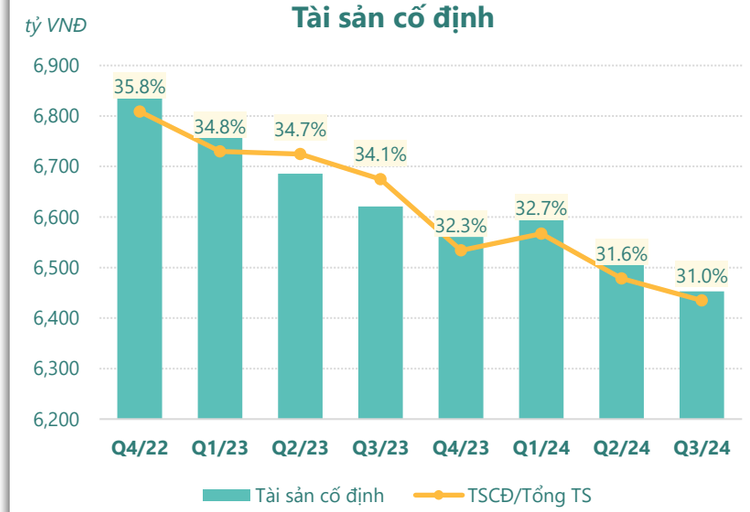
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



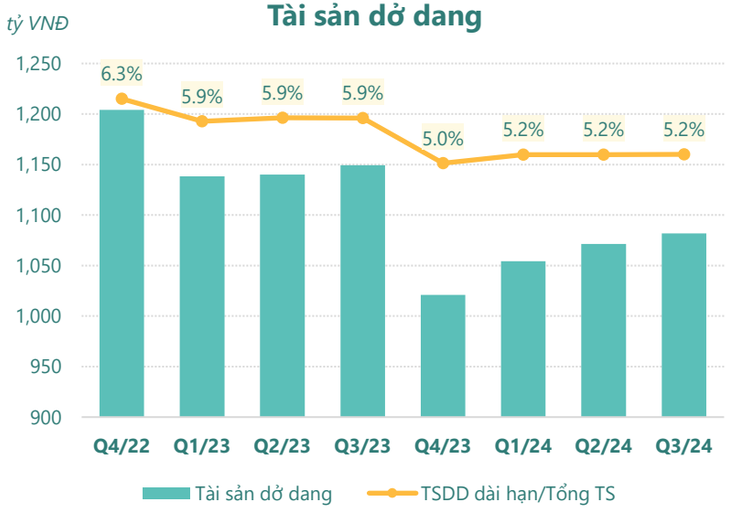
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



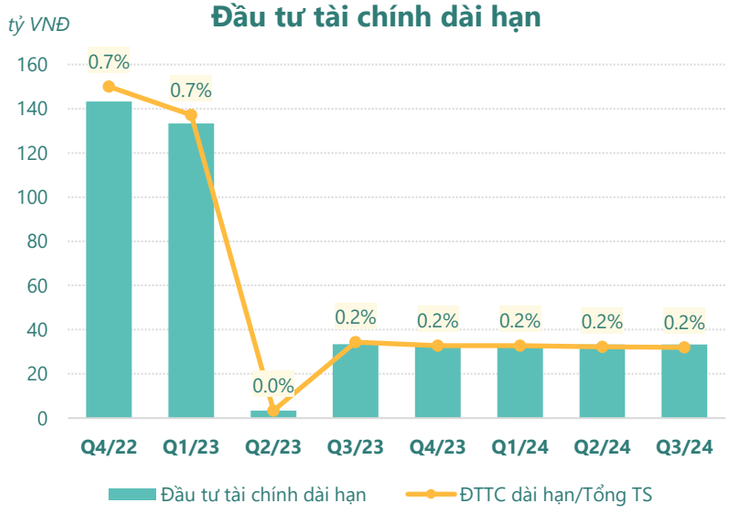
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



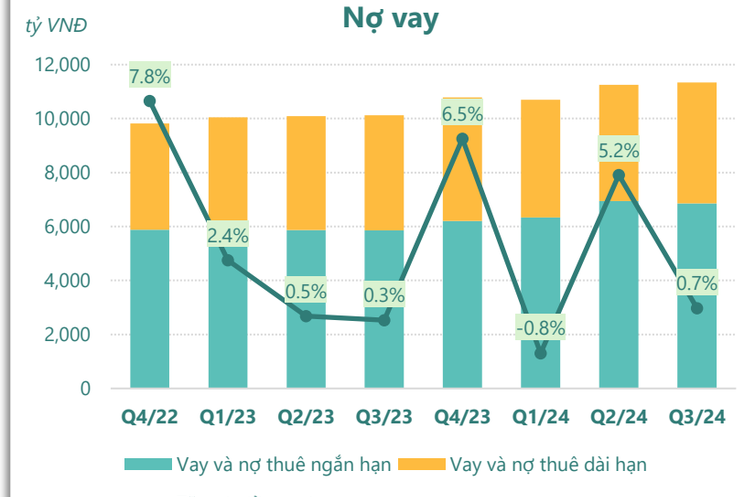
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

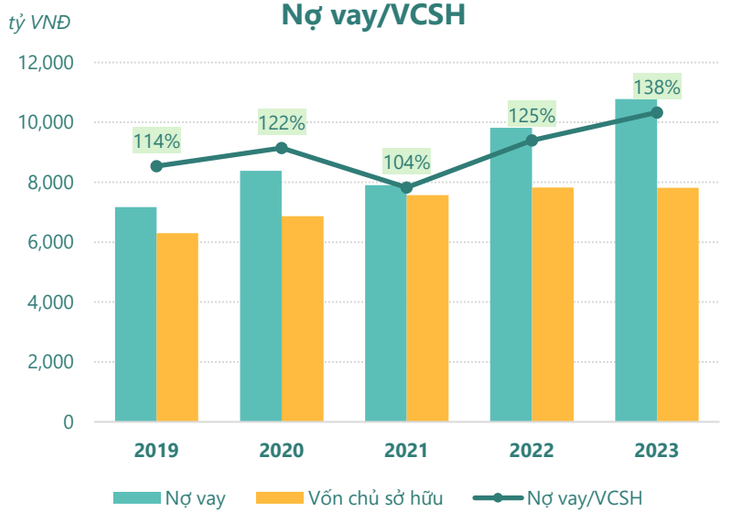
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

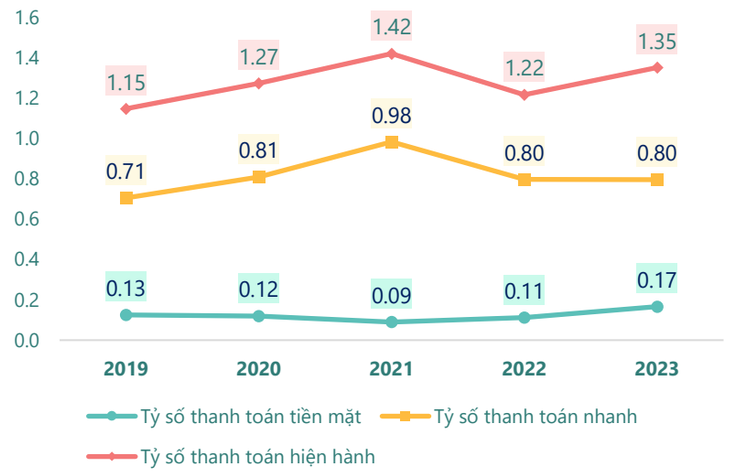
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



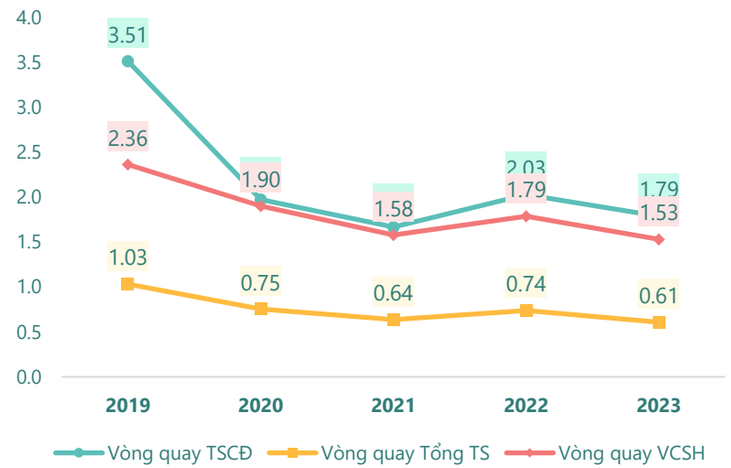
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



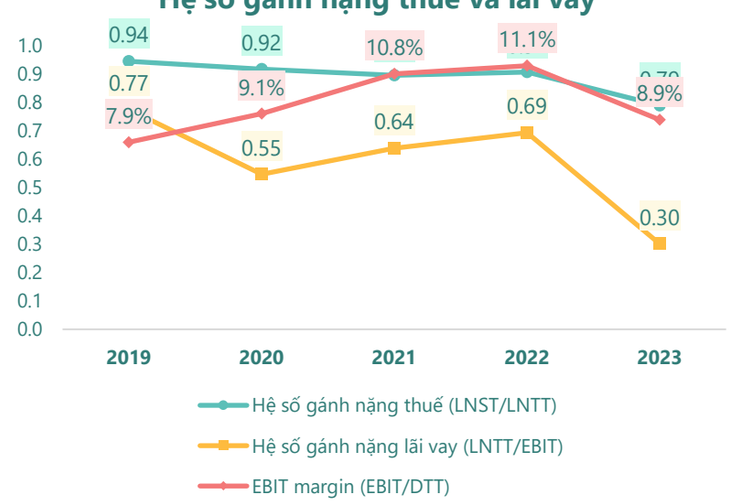
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



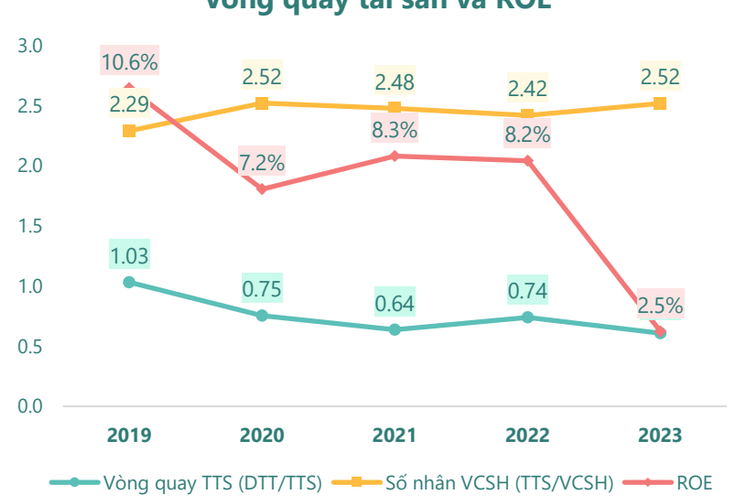
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



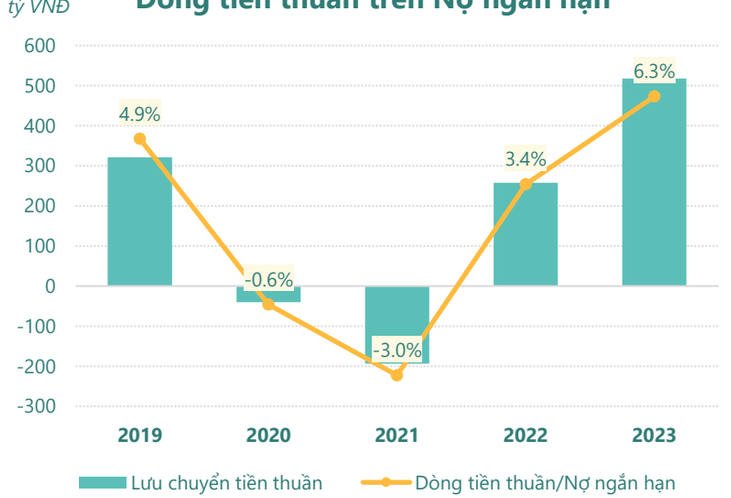
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q3/23	Thay đổi YoY	9T 2024	9T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**3,219**	**2,875**	**12.0%**	**9,147**	**9,180**	**-0.4%**
Giá vốn hàng bán	2,875	2,570	11.9%	8,085	8,108	-0.3%
Lợi nhuận gộp	345	305	13.0%	1,062	1,072	-0.9%
Doanh thu HĐTC	38.7	55.9	-30.8%	117	142	-17.1%
Chi phí TC	175	168	4.3%	522	588	-11.3%
Chi phí lãi vay	164	162	1.5%	486	566	-14.1%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	56.4	35.7	58.1%	155	118	32.0%
Chi phí QLDN	**56.2**	**72.5**	**-22.5%**	**200**	**213**	**-6.1%**
LN thuần từ HĐKD	95.6	84.6	13.0%	302	295	2.6%
Lợi nhuận khác	**-7.70**	**-8.56**	**10.1%**	**-5.27**	**-5.11**	**-3.1%**
LN trước thuế	87.9	76.0	15.6%	297	290	2.6%
Lợi nhuận sau thuế	**71.2**	**66.4**	**7.3%**	**253**	**258**	**-1.9%**
LNST của CĐ cty mẹ	**49.3**	**45.3**	**8.9%**	**196**	**195**	**0.7%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-183	128	-311	-523	-288	-129
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-292	377	245	-106	-187	-27.3
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	187	29.2	565	-78.7	541	93.2
Tiền đầu kỳ	613	325	859	1,365	657	724
Lưu chuyển tiền thuần	**-288**	**534**	**499**	**-708**	**66.1**	**-63.2**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.09	0.28	6.36	0.00	0.01	0.02
Tiền cuối kỳ	325	859	1,365	657	724	660

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/9/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**20,802**	**20,307**	**2.4%**
Tài sản ngắn hạn	11,722	11,090	5.7%
Tiền và tương đương tiền	660	1,365	-51.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1,295	982	31.8%
Phải thu ngắn hạn	5,152	4,132	24.7%
Hàng tồn kho	4,554	4,556	-0.1%
Tài sản ngắn hạn khác	60.7	54.5	11.5%
Tài sản dài hạn	**9,080**	**9,217**	**-1.5%**
Phải thu dài hạn	33.8	35.4	-4.3%
Tài sản cố định	6,453	6,561	-1.6%
Bất động sản đầu tư	486	498	-2.5%
Tài sản dở dang	1,082	1,021	6.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	33.3	33.3	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**629**	**663**	**-5.1%**
Lợi thế thương mại	364	407	-10.4%
Nợ phải trả	12,709	12,481	1.8%
Nợ ngắn hạn	**8,213**	**8,204**	**0.1%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	6,861	6,523	5.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	742	521	42.5%
Nợ dài hạn	4,496	4,277	5.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	4,477	4,259	5.1%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**8,094**	**7,826**	**3.4%**
Vốn chủ sở hữu	**8,083**	**7,816**	**3.4%**
Vốn điều lệ	3,702	3,365	10.0%
Kinh phí và quỹ khác	**10.3**	**10.3**	**0.0%**

(Nguồn: fireant.vn)